TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST.
Ngày: 18-8-2021.
V/v "Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thức.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Thanh Yên.
Bà Nguyễn Thị Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Quốc Tâm - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa*:** bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Thông báo dời thời gian xét xử số: 205/TB-TA ngày 16/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị C - sinh năm: 1967 (có mặt).
Trú tại: thôn L, xã P, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
Bị đơn: bà Võ Thị L - sinh năm: 1985 (có mặt);
Trú tại: thôn L, xã P, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Võ Văn X - sinh năm 1988 (có mặt);
- Anh Võ Văn Đ - sinh năm 1998 (vắng mặt);
- Anh Võ Văn N - sinh năm 2000 (vắng mặt);
- Bà Phạm Thị T - sinh năm 1944 (vắng mặt);
- Ông Võ Văn P - sinh năm 1978 (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1977 (vắng mặt);
- Anh Đỗ Minh P - sinh năm 1983 (vắng mặt);
- Chị Võ Thị L - sinh năm 2001 (vắng mặt);
- Anh Võ Công M - sinh năm 2004 (vắng mặt);

Tất cả cùng trú tại: thôn L, xã P, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của Võ Công M:

Anh Võ Văn P - sinh 1978, trú tại: thôn L, xã P, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 27/01/2021, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị C yêu cầu bà Võ Thị L và ông Võ Văn P trả lại toàn bộ diện tích đất thuộc một phần thửa số 13 tờ bản đồ số 44d xã P, đã được UBND huyện Ninh Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số S538933 ngày 22/01/2003.

Về nguồn gốc đất tranh chấp do vợ chồng bà khai hoang sử dụng từ năm 1988, có làm ranh rào bằng cây bụi bảo vệ đất. Do bà không sử dụng đất từ năm 1999 đến năm 2007 nên ông P, bà L sử dụng đất liền kề tự xác định ranh rào lấn qua đất bà. Năm 2008, gia đình bà trở lại xây nhà ở, nhà vệ sinh trên đất thì ông P yêu cầu phải rào theo ranh giới ông P chỉ định đã rào từ trước, vợ chồng bà cũng chấp nhận. Năm 2015, bà Võ Thị L cho rằng bà lấn chiếm đất, đã khiếu nại đến xã và tự ý dỡ rào xây nhà lấn qua thửa đất của bà. Ông Võ Văn P là anh bà L dựng nhà tạm phía sau cũng lấn qua đất bà. Vì vậy, bà khởi kiện đòi bà L, ông P phải trả lại diện tích đất lấn chiếm thuộc một phần thửa số 13. Quá trình Tòa án giải quyết, Hội đồng định giá đến đo đạc và có Trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Thuận Nam *(viết tắt: Trích lục 910),* thể hiện đất tranh chấp bà chỉ đo diện tích 149m^2 thuộc một phần thửa số 13 và một phần thửa số 14, trên đất có một phần nhà xây của bà L và một phần nhà tạm của ông P là đúng như bà chỉ đo nhưng bà khẳng định không có phần nào thể hiện gia đình bà lấn đất của bà L. Ngoài ra, Trích lục còn thể hiện phần đất 109m^2 thuộc thửa số 13 là đường đi từ trước đến nay thì bà không công nhận. Do không rành về Bản đồ, bà không xác định cụ thể ông P, bà L lấn chiếm đất của bà ở vị trí và diện tích bao nhiêu nên bà yêu cầu bà L, ông P phải trả đủ diện tích đất 1.965m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số S538993 ngày 22/01/2003 đã cấp cho gia đình bà. Phần đất nào có nhà tạm thì tháo dỡ trả đất, phần đất nào có nhà xây thì hoàn lại giá trị bằng tiền. Trường hợp gia đình bà sử dụng phần nào lấn qua đất bà L thì bà đồng ý trả lại.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2021, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn - bà Võ Thị L không chấp nhận yêu cầu đòi đất của nguyên đơn. Bà L trình bày: Diện tích đất nằm trong thửa số 14 tờ bản đồ số 44 xã P bà C tranh chấp và chỉ đo thể hiện tại Trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021, có nguồn gốc của mẹ bà tên Phạm Thị T khai hoang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bà và ông Võ Văn P đã cùng mẹ sinh sống, sử dụng đất này từ trước đến nay, đã xây nhà ở ổn định theo ranh rào bà C rào từ trước. Khi việc sử dụng đất xảy ra tranh chấp, xã đã hòa giải hai bên thống nhất ranh giới thì bà C xây tường thành ngăn cách và sử dụng ổn định. Đến nay, không hiểu lý do gì bà C tiếp tục khiếu nại, khởi kiện đến Tòa yêu cầu bà và ông P tháo dỡ nhà trả đất là vô lý. Theo Trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021, thể hiện diện tích đất tranh chấp 149m^2 thuộc một phần thửa số 13, đã cấp Giấy chứng nhận cho gia đình bà C và một phần thửa số 14 đã cấp giấy

chứng nhận cho bà, bà không thống nhất trả đất mà yêu cầu được sử dụng đúng theo ranh rào từ trước đến nay; còn Giấy chứng nhận do nhà nước cấp thế nào bà không biết. Thực tế, bà vẫn đang sử dụng thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BB 636750 ngày 28/12/2010, diện tích là 973m^2 chứ không lấn chiếm của bà C. Đối với phần đất ông P dựng nhà tạm và phần đất phía sau do vợ chồng ông P quản lý, sử dụng, bà vẫn đang đứng tên giấy chứng nhận nên cũng không đồng ý trả đất. Trường hợp giải quyết buộc bên bà trả đất thì phần nào bà C lấn sang cũng phải buộc tháo dỡ tài sản trả lại đất. Về giá đất và tài sản trên đất, bà thống nhất theo giá Hội đồng đã đưa ra tại biên bản định giá của Tòa án; bà không yêu cầu và không cung cấp giá thị trường nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Văn P trình bày: Ông xác nhận vợ chồng ông có làm nhà tạm sinh sống trên thửa đất số 14 tờ bản đồ số 44 xã P. Nguồn gốc đất là của mẹ ông tên Phạm Thị T tạo lập, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Mẹ ông đã cho ông và em gái tên Võ Thị L toàn bộ thửa đất này, đã sang tên cho L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông đã dựng nhà tạm phía gần bờ rào bà C tự rào làm ranh giới với đất ông từ lâu nhưng bà C không có ý kiến gì; nay bà C cho rằng ông lấn đất và khởi kiện đến Tòa. Tại buổi định giá, bà C chỉ đo qua nửa nhà tạm của ông là không đúng. Theo Trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Thuận Nam, phần đất ông chỉ đo có 39m^2 thuộc thửa số 13 đã cấp Giấy chứng nhận cho gia đình bà C; diện tích đất này gia đình ông đã sử dụng từ trước đến nay theo ranh giới gia đình bà C rào nên ông không đồng ý trả; ông yêu cầu được sử dụng đúng theo hiện trạng thực tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Võ Văn X trình bày tại biên bản ngày 10/3/2021, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Anh xác nhận thửa đất có một phần gia đình anh đang tranh chấp với bà Võ Thị L có nguồn gốc của cha mẹ anh (ông Võ Văn R, bà Phạm Thị C) khai hoang sử dụng từ rất lâu. Khi ba anh chết, bà L, ông P xây nhà lấn chiếm đất nên mẹ anh đã khởi kiện đến Tòa án đòi đất thì anh cũng thống nhất với yêu cầu của mẹ anh buộc bà L, ông P trả đủ diện tích đất của thửa 13 đã cấp Giấy chứng nhận cho gia đình anh. Phần đất nào gia đình anh sử dụng lấn qua đất bà L thì anh cũng chấp nhận tháo dỡ tài sản trả đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Võ Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2021, biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021 và biên bản hòa giải: Anh thống nhất ý kiến của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm. Anh yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 23/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Võ Văn N trình bày: Thửa đất có một phần bị bà Võ Thị L, ông Võ Văn P lấn chiếm có nguồn gốc của cha mẹ anh (Võ Văn R, Phạm Thị C) khai hoang và gia đình anh sinh sống trên đất này từ rất lâu. Năm 2017, cha anh chết không để lại di chúc cho ai. Anh xác định thửa đất là tài sản của cha mẹ anh nhưng việc bà L, ông P tự ý dỡ rào, xây nhà lấn chiếm đất thì anh cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện đòi đất của mẹ anh, không bổ sung gì thêm và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 14/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cụ Phạm Thị T trình bày: Thửa đất hiện nay bà Võ Thị L và ông Võ Văn P cất nhà ở có một phần tranh chấp với bà C do cụ tạo lập, đã được nhà nước cấp

quyền sử dụng. Toàn bộ thửa đất cụ đã cho bà L và ông P. Hiện cụ vẫn đang sống tại nhà của bà L nhưng việc tranh chấp và quyết định như thế nào thì cụ chấp nhận như vậy chứ không có ý kiến gì khác. Cụ yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 14/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà khẳng định diện tích đất vợ chồng bà đang sử dụng có dựng nhà tạm ở là của mẹ chồng bà tên Phạm Thị T cho vợ chồng bà, hiện do Võ Thị L đứng tên Giấy chứng nhận. Thời điểm vợ chồng bà làm nhà tạm, bà C đã tự làm ranh rào ổn định nên không có ý kiến hay cản trở gì. Nay bà C lại đi kiện buộc vợ chồng bà dỡ nhà trả đất là hoàn toàn vô lý, bà không chấp nhận. Trường hợp sau khi đo đạc đất, diện tích đất vợ chồng bà đang sử dụng nằm trong Giấy chứng nhận của gia đình bà C thì bà sẽ có yêu cầu hủy giấy chứng nhận sau. Bà yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 14/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Võ Thị L và anh Võ Công M trình bày: Hiện nay anh chị vẫn sống chung trong nhà tạm nằm trên thửa đất của cha mẹ hiện gia đình bà C tranh chấp một phần. Đất và nhà là của cha mẹ nhưng anh chị đã sống từ trước đến nay ổn định, nay bà Chi tranh chấp đòi đất thì anh chị không chấp nhận trả đất. Anh chị yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn P là người đại diện hợp pháp của Võ Công M thống nhất lời trình bày của Võ Công M, không có ý kiến bổ sung.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Võ Văn P, bà Nguyễn Thị T, chị Võ Thị L và anh Võ Công M (do ông P đại diện) trả lại diện tích đất 39m^2 có các điểm (4,5,18), thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ số 44d xã P, thể hiện tại Trích lục số 910/2021 ngày 7/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam. Buộc bà Phạm Thị C, anh Võ Văn X, anh Võ Văn Đ và anh Võ Văn N phải tháo dỡ đoạn tường nằm trên thửa đất số 14 tờ bản đồ số 44d xã Phước Minh, thể hiện tại Trích lục số 910/2021 ngày 7/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam, để trả lại diện tích đất 16m^2 có các điểm (9,17,18), thuộc thửa đất số 14 tờ bản đồ số 44d xã P cho bà Võ Thị L. Bác một phần yêu cầu của bà C, anh X, anh Đ, anh N về đòi bà L, ông P trả đủ diện tích đất 1.965m^2 thuộc thửa số 13.

Về chi phí định giá và án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự có mặt của đương sự: Căn cứ yêu cầu xét xử vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: bà Phạm Thị C khởi kiện đòi bà Võ Thị L, ông Võ Văn P trả diện tích đất thuộc một phần thửa số 13 và 14 tờ bản đồ số 44d xã P; đất tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện Thuận Nam. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điều 166 Bộ luật dân sự, xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ kết quả đo đạc tại Trích lục bản đồ địa chính số 910/2021 ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - CN Thuận Nam, các đương sự chỉ đo và xác định có tranh chấp là 149m^2 tương ứng các điểm (4,5,6,16,13,12,10,9,18), thuộc một phần thửa 13 và một phần thửa 14 tờ bản đồ số 44d xã P; trong đó: diện tích đất do vợ chồng ông P, bà T, chị L và anh M sử dụng 39m^2 có các điểm (4,5,18) thuộc một phần thửa số 13, đã cấp Giấy chứng nhận số S538993 ngày 22/01/2003 cho gia đình bà Phạm Thị C (do ông Võ Văn R đứng tên); diện tích đất do bà C, anh X, anh Đ và anh N sử dụng 16m^2 có các điểm (9,17,18) thuộc một phần thửa số 14, đã cấp Giấy chứng nhận số BB 636750 ngày 28/12/2010 cho bà Võ Thị L; diện tích đất 94m^2 gồm các điểm (5,6,16,13,12,10,9,17,18) thuộc một phần thửa số 14 đã cấp Giấy chứng nhận cho bà L hiện do bà L và vợ chồng ông P, bà T, chị L, anh M sử dụng.

Quá trình giải quyết, bà C, anh X, anh Đ, anh N (gọi là bên nguyên đơn) khẳng định diện tích đất bên nguyên đơn tranh chấp với bà L, ông P thể hiện tại Trích lục 910/2021 là đúng; tuy nhiên bên nguyên đơn lại không biết diện tích cụ thể bà L, ông P lấn chiếm thực tế là bao nhiêu nên yêu cầu bà L, ông P trả đủ diện tích đất 1.965m^2 thuộc thửa số 13, theo Giấy chứng nhận đã cấp số S538993; tại phiên tòa, bà C, anh X vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Qua đối chiếu Trích lục số 910/2021 với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S538993, thấy rằng: Bên nguyên đơn đang sử dụng thửa đất số 13 với diện tích 1.830m^2 có các điểm (1,3,4,18,9) là còn thiếu 135m^2 (1.965m^2 - 1.830m^2 = 135m^2). Căn cứ Trích lục 910/2021, phần đất thiếu của thửa số 13 gồm: diện tích 39m^2 có các điểm (4,5,18) do vợ chồng ông P, bà T, chị L, anh M đang sử dụng và diện tích 96m^2 có các điểm (1,2,3) không tranh chấp nằm phía Bắc thửa đất (bà C cho rằng đã sử dụng làm đường đi). Như vậy, có căn cứ khẳng định vợ chồng ông P, bà T, chị L, anh M sử dụng một phần thửa đất số 13 đã cấp cho bên nguyên đơn là 39m^2 nên bên nguyên đơn yêu cầu trả lại là phù hợp, được chấp nhận. Phần đất thiếu còn lại là 96m^2 có các điểm (1,2,3) thuộc thửa 13 bên nguyên đơn không tranh chấp, bà L, ông P, bà T, chị L, anh M (do ông P đại diện theo pháp luật) và bà T không sử dụng diện tích đất này nên không thể buộc những người trên có nghĩa vụ trả. Bên nguyên đơn tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn sử dụng, Hội đồng xét xử không xem xét phần này. Tại phiên tòa, bên nguyên đơn cho rằng không xác định được diện tích đất lấn chiếm và yêu cầu bà L, ông P trả đủ diện tích đất 1.965m^2 thuộc thửa số 13 tờ bản đồ số 44d xã P là không có căn cứ như đã phân tích trên nên không được chấp nhận.

Đối với ý kiến phản bác của bà L, ông P, bà T, chị L, anh M (gọi là bên bị đơn) đều khẳng định không trả đất vì không lấn đất, yêu cầu sử dụng theo ranh rào cũ của nguyên đơn dựng là không có căn cứ chấp nhận như đã phân tích, chứng

minh ở trên. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà C trả lại diện tích đất 16m^2 có các điểm (9,17,18), bên nguyên đơn chấp nhận tự tháo dỡ tường thành để trả đất nhưng lại khẳng định không lấn đất. Tuy nhiên, căn cứ trích lục 910 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 636750 ngày 28/12/2010 thì diện tích đất 16m^2 bên nguyên đơn xây đoạn tường trụ gạch, chiều dài 22,5m, cao 1,3m lấn qua nằm trong thửa số 14 cấp cho bà L nên buộc bên nguyên đơn tự tháo dỡ trả đất.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc ông P, bà T, chị L và anh M do ông P đại diện theo pháp luật (là người trực tiếp sử dụng đất) phải trả lại cho bà C, anh X, anh Đ và anh N 39m^2 đất tương ứng các điểm (4,5,18), thể hiện tại trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam. Buộc bà C, anh X, anh Đ và anh N phải tháo dỡ đoạn tường trụ gạch, chiều dài 22,5m, cao 1,3m để trả lại 16m^2 đất tương ứng các điểm (9,17,18) cho bà L. Bác yêu cầu của bà C, anh X, anh Đ và anh N đòi bà L, ông Ph phải trả phần đất bị thiếu còn lại.

[4]. Về chi phí định giá tài sản: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên căn cứ điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà C, bà L và ông P phải chịu số tiền chi phí định giá 3.752.000đ phía nguyên đơn đã tạm ứng, cụ thể: 3.752.000đ : 3 = 1.250.600đ. Buộc bà L, ông P mỗi người phải hoàn trả cho bà C số tiền 1.250.600đ chi phí định giá bà C đã tạm ứng.

[5]. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bà L, ông P mỗi người phải chịu 300.000đ án án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà C được chấp nhận. Bà C phải chịu 300.000đ án phí dân sự đối với phần yêu cầu bị bác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bên nguyên đơn đòi 39m^2 đất thuộc một phần thửa 13 tờ bản đồ địa chính số 44d xã P, đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S538993 ngày 22/01/2003;

Buộc ông Võ Văn P, bà Nguyễn Thị T, chị Võ Thị L và anh Võ Công M (do ông P đại diện theo pháp luật) trả lại cho bà Phạm Thị C, anh Võ Văn X, anh Võ Văn Đ và anh Võ Văn N 39m^2 đất có các điểm (4,5,18); thể hiện tại trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam;

Buộc bà Phạm Thị C, anh Võ Văn X, anh Võ Văn Đ và anh Võ Văn N tháo dỡ đoạn tường trụ gạch, chiều dài 22,5m, cao 1,3m để trả cho bà Võ Thị L 16m^2 đất có các điểm (9,17,18); thể hiện tại trích lục số 910/2021 ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam.

Về chi phí định giá tài sản: Bà Phạm Thị C, bà Võ Thị L và ông Võ Văn P phải chịu số tiền chi phí định giá 3.752.000đ. Buộc bà L, ông P mỗi người hoàn trả cho bà C số tiền 1.250.600đ chi phí định giá bà C đã tạm ứng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà L, ông P mỗi người phải chịu 300.000đ án án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà C được chấp nhận. Bà C phải chịu 300.000đ án phí dân sự đối với phần yêu cầu bị bác, được tính trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0023625 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

Về quyền kháng cáo: nguyên, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/8/2021). Những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thức